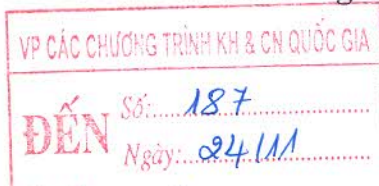


Số: 3368/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020

**BỘ TRƯỞNG****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Chuyển
- Ban đề án KH
Kc-chi V&P
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tổng hợp, Chủ nhiệm các Chương trình thành phần của Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Số: 3368/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tổng hợp, Chủ nhiệm các Chương trình thành phần của Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tổng hợp, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, Chủ nhiệm các Chương trình thành phần của Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KHTH



Nguyễn Quân



**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC NGHIÊN CỨU
SONG PHƯƠNG VÀ ĐA PHƯƠNG VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ĐẾN NĂM 2020 VÀ CHƯƠNG TRÌNH TÌM KIẾM VÀ CHUYÊN GIAO
CÔNG NGHỆ NƯỚC NGOÀI ĐẾN NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 1 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Phần thứ nhất: Mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và dự kiến kinh phí

**A. Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về
khoa học và công nghệ đến năm 2020**

I. Mục tiêu

1. Tạo ra và làm chủ được các công nghệ về thiết kế và chế tạo, về công nghệ chế biến sản phẩm và về công nghệ tiên tiến có giá trị gia tăng cao thuộc các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam; trong đó có nông nghiệp, công nghiệp, năng lượng, giao thông, xây dựng và y-dược.

2. Tiếp thu, làm chủ về khoa học nhằm giải quyết được các vấn đề liên quan đến các hiện tượng, quá trình và quy luật của sự sống, các vấn đề về khoa học quản lý, quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo, các vấn đề phục vụ trực tiếp các chương trình quốc gia và trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ (KH&CN). Tăng nhanh số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng và quyền sở hữu sáng chế.

3. Tăng nhanh số lượng các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp của Việt Nam đủ năng lực trực tiếp chủ trì hoặc tham gia nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới trong một số lĩnh vực KH&CN ưu tiên. Phấn đấu trên 50% các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu phía Việt Nam có báo cáo, bài báo quốc tế; có cán bộ được đào tạo chuyên sâu, đào tạo cao học.

II. Nội dung

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu có tính chất chiến lược, lâu dài về KH&CN thuộc các hướng sau :

a) Khai thác sáng chế, làm chủ công nghệ thiết kế và chế tạo, công nghệ chế tác và chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng cao thuộc một số lĩnh vực KH&CN ưu tiên, thuộc các ngành kinh tế trọng điểm trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, năng lượng, giao thông, xây dựng, y-dược và công nghiệp hỗ trợ phục vụ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu;

b) Khoa học sự sống, khoa học quản lý, quản trị công nghệ, đổi mới sáng tạo; các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng trong khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

2. Thực hiện các dự án quan trọng đã ký kết với đối tác chiến lược phục vụ các chương trình dự án kinh tế - kỹ thuật trọng điểm của đất nước.

3. Tham gia các chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế, các dự án đầu tư KH&CN trên thế giới và trong khu vực trên cơ sở yêu cầu, nhiệm vụ nêu tại Mục 1, 2 và các yêu cầu về tham gia hội nhập trong khuôn khổ khối ASEAN, hiệp định hợp tác xuyên Thái Bình Dương TTP...

III. Dự kiến nhiệm vụ và kinh phí

1. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ của Chương trình được xây dựng, thực hiện theo hướng dẫn và quy định tại Thông tư số 08/TT-BKHCN ngày 05/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và được phân bổ như sau:

Nội dung 1: dự kiến 50 nhiệm vụ trong đó: 30 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu về công nghệ cao, công nghệ tiên tiến các ngành kinh tế trọng điểm và công nghiệp hỗ trợ; 20 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu thuộc các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, khoa học sự sống, quản trị và đổi mới sáng tạo.

Nội dung 2: dự kiến 20 nhiệm vụ trong khuôn khổ hợp tác về KH&CN đã ký với đối tác chiến lược phục vụ các chương trình, dự án kinh tế-kỹ thuật trọng điểm của quốc gia.

Nội dung 3: dự kiến 10 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu trong khuôn khổ các chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế và khu vực.

2. Kinh phí

Dự kiến kinh phí cho 80 nhiệm vụ là khoảng 300 tỷ VNĐ, không kể nguồn đóng góp của đối tác nước ngoài, nguồn tự có hoặc huy động của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

Kế hoạch theo các năm như sau: 60 tỷ (năm 2016); 70 tỷ (năm 2017); 70 tỷ (năm 2018); 70 tỷ (năm 2019); 30 tỷ (năm 2020).

B. Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020

I. Mục tiêu

Tìm kiếm, đánh giá, tư vấn và chuyển giao được công nghệ tiên tiến trên thế giới nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, doanh nghiệp Việt Nam.



Đến năm 2020, phần đầu đạt 60% số công nghệ đặt hàng được đánh giá khả thi đáp ứng yêu cầu chuyển giao do mạng lưới chuyên gia tìm kiếm công nghệ giới thiệu về Việt Nam được chuyển giao và ứng dụng.

II. Nội dung

Tập trung tìm kiếm và hỗ trợ chuyển giao để làm chủ được một số công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến thuộc các lĩnh vực:

1. Công nghệ thông tin để sản xuất sản phẩm thương hiệu Việt Nam (công nghệ phần mềm và nội dung số; công nghệ thiết kế, chế tạo mạch tích hợp, công nghệ đa phương tiện; công nghệ đa truy cập...).

2. Công nghệ sinh học (công nghệ gen, công nghệ tế bào; công nghệ vi sinh; công nghệ enzym-protein; công nghệ tin sinh học, nano sinh học,...) để ứng dụng có hiệu quả vào các ngành: nông-lâm-ngư nghiệp, y-dược, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường.

3. Công nghệ vật liệu mới, hiện đại, vật liệu có tính năng đặc biệt sử dụng cho các ngành công nghiệp, quốc phòng, an ninh (hợp kim; vật liệu điện tử và quang tử, vật liệu nano, vật liệu y-sinh).

4. Công nghệ chế tạo máy-tự động hóa: công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền đồng bộ trong dầu khí, thủy điện, đóng tàu, khai thác và chế biến khoáng sản; công nghệ tự động hóa đo lường và xử lý thông tin, điều khiển tự động hóa quá trình sản xuất.

III. Dự kiến nhiệm vụ và kinh phí

1. Nhiệm vụ

Thời gian, loại hình nhiệm vụ của Chương trình được thực hiện theo hướng dẫn và quy định tại Thông tư số 08/TT-BKHCN ngày 05/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

- Xây dựng mạng lưới chuyên gia tìm kiếm công nghệ theo các lĩnh vực đã nêu tại Mục II;

- Xác định và đặt hàng các công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến thuộc các lĩnh vực công nghệ cần tìm kiếm thuộc các lĩnh vực đã nêu tại Mục II nói trên. Giai đoạn 2015-2020 cần ưu tiên xác định đặt hàng được tối thiểu khoảng 60 công nghệ để tiến hành tìm kiếm và hỗ trợ chuyển giao trong khuôn khổ của Chương trình;

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tìm kiếm và hỗ trợ chuyển giao công nghệ đã được xác định đặt hàng, trong đó, phân kỳ giai đoạn 2016-2018 (khoảng 35 nhiệm vụ) và giai đoạn 2019-2020 (khoảng 15 nhiệm vụ).



b) Kinh phí

Dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ: 250 tỷ VNĐ. Trong đó, nhiệm vụ xây dựng mạng lưới tìm kiếm công nghệ: 15 tỷ VNĐ; nhiệm vụ xác định đặt hàng công nghệ để tìm kiếm và nhiệm vụ tìm kiếm công nghệ (khoảng 60 nhiệm vụ): 25 tỷ VNĐ; nhiệm vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ (khoảng 30 nhiệm vụ): 210 tỷ VNĐ.

Kế hoạch theo các năm như sau: 50 tỷ (năm 2016); 60 tỷ (năm 2017); 60 tỷ (năm 2018); 50 tỷ (năm 2019); 30 tỷ (năm 2020).

C. Tổng kinh phí từ ngân sách dự kiến

Tổng kinh phí từ ngân sách dự kiến cho 02 Chương trình thành phần: 600 tỷ VNĐ, bao gồm:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc 02 Chương trình thành phần : 550 tỷ VNĐ;

- Kinh phí phục vụ các hoạt động chung của 02 Chương trình thành phần: 50 tỷ VNĐ, gồm các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, các các nhiệm vụ hỗ trợ triển khai Chương trình (hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, xây dựng cơ chế chính sách,..).

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch, khi xuất hiện nhiệm vụ cấp thiết sẽ được đề xuất bổ sung trình Bộ trưởng Bộ KH&CN xem xét, quyết định.

Phần thứ Hai: Dự kiến các sản phẩm của Chương trình

I. Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020

1. 100% số nhiệm vụ có cán bộ được qua đào tạo nâng cao sau đại học ở nước ngoài (lĩnh vực chuyên môn, thạc sỹ, tiến sỹ).

2. Tối thiểu 50% số nhiệm vụ có bài báo, báo cáo khoa học được công bố quốc tế.

3. 20% số nhiệm vụ có giải pháp được công nhận bản quyền, sáng chế giải pháp hữu ích.

4. 50% số nhiệm vụ có giải pháp đã được chấp nhận đơn yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

5. Hỗ trợ không dưới 60 tổ chức, nhóm nghiên cứu đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ hợp tác song phương và đa phương.



6. Mỗi nhiệm vụ phải tạo ra ít nhất 1 sản phẩm/mô hình/quy trình công nghệ mới hoặc chuyển giao công nghệ mới có quy mô ứng dụng của ngành kinh tế trọng điểm của đất nước.

7. Các sản phẩm khác của Chương trình được tổng hợp và nêu tại Mục III dưới đây.

II. Chương trình tìm kiếm, chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020

1. Thành lập và đưa vào hoạt động mạng lưới chuyên gia tìm kiếm công nghệ với số người, số quốc gia, số lĩnh vực công nghệ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai Chương trình.

2. Tối thiểu có 60 nhiệm vụ công nghệ được đặt hàng để tìm kiếm và hỗ trợ chuyển giao.

3. Hỗ trợ ứng dụng thành công không dưới 40 dự án chuyển giao công nghệ thuộc các ngành kinh tế trọng điểm.

4. Hỗ trợ không dưới 60 doanh nghiệp có đủ năng lực công nghệ, tài chính và quản trị để tiếp thu, làm chủ công nghệ được chuyển giao. Trong đó hình thành mới khoảng 20 doanh nghiệp KH&CN.

5. Tối thiểu 5 sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam quy mô khu vực và thế giới được hình thành thông qua dự án chuyển giao công nghệ.

III. Sản phẩm được tạo ra thông qua các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình

1. Tổ chức mỗi năm ít nhất 2 hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam về các vấn đề KH&CN trọng tâm, trọng điểm, có tính cấp thiết.

2. Tổ chức 20 lớp đào tạo chuyên môn, ngoại ngữ, bồi dưỡng, tập huấn, tìm hiểu công nghệ, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn tại Việt Nam.

3. Số người được qua đào tạo nâng cao theo chuẩn mực quốc tế: 50 tiến sỹ và 100 thạc sỹ.

4. Cử 50 lượt người tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, tìm hiểu công nghệ, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài.

5. Số lượng đề xuất về cơ chế, chính sách chung và đặc thù đối với hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN: khoảng 5 nội dung.

6. Xây dựng đề án tổ chức Diễn đàn KH&CN Việt Nam thường niên hoặc 2 năm một lần; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phân đầu tổ chức lần đầu tiên vào năm 2016.



Phần thứ Ba: Các giải pháp chủ yếu

I. Đẩy mạnh việc thực hiện thỏa thuận quốc tế về hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tổ chức nghiên cứu của Việt Nam

1. Hỗ trợ tham gia:

- Các hoạt động trao đổi học thuật do các đối tác uy tín, có nền KH&CN tiên tiến, các tổ chức, diễn đàn đa phương về KH&CN chủ trì tổ chức, nhằm tăng cường mạng lưới hợp tác nghiên cứu;

- Các hoạt động thường xuyên của các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực; ký kết các thỏa thuận hợp tác nghiên cứu trong các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm.

2. Tăng cường hỗ trợ các tổ chức nghiên cứu về mọi mặt để thực hiện các nhiệm vụ hợp tác và tham gia vào các chương trình, dự án quốc tế phát triển các tập thể nghiên cứu quốc tế đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

3. Phối hợp với các tổ chức nghiên cứu, các cơ quan quản lý trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về các chủ đề KH&CN trọng điểm, có tính thời sự, cấp bách tầm quốc gia; tham gia tổ chức và hỗ trợ tổ chức các hội thảo quốc tế tại Việt Nam về các chủ đề KH&CN có tính liên ngành, liên khu vực.

II. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách

1. Tập trung rà soát hệ thống cơ chế, chính sách hiện hành, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế làm cơ sở đổi mới và hoàn thiện hành lang pháp lý cần thiết để hỗ trợ cho các hoạt động của Chương trình.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách, đặc biệt là cơ chế tài chính hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các tổ chức nghiên cứu, các nhà khoa học Việt Nam tham gia vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực, các hoạt động học thuật tại nước ngoài; khuyến khích, hỗ trợ trí thức trẻ Việt Nam làm việc tại các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới; đãi ngộ chuyên gia tìm kiếm công nghệ, cộng tác viên; hỗ trợ các dự án chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài vào Việt Nam.

3. Xây dựng và thực hiện chính sách thu hút nhân lực trình độ cao, kể cả người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài, tham gia vào các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu.

4. Hình thành, xây dựng ngân hàng dữ liệu về chuyên gia tìm kiếm công nghệ, thông tin công nghệ quốc tế, hồ sơ công nghệ quốc tế và thuyết minh dự án chuyển giao công nghệ. Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài.



5. Xây dựng tiêu chí đánh giá, tuyển chọn nhằm xác định các tổ chức nghiên cứu và tập thể nghiên cứu để giao thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có tính chiến lược, lâu dài.

III. Tăng cường nguồn lực phục vụ các hoạt động hợp tác nghiên cứu

1. Phối hợp với Chương trình tăng cường nguồn lực thông tin phục vụ hội nhập quốc tế về KH&CN (thuộc Đề án Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020) nhằm hỗ trợ việc khai thác có hiệu quả các nguồn cung cấp thông tin phục vụ hợp tác nghiên cứu.

2. Nâng cao hiệu quả phối hợp, hỗ trợ của đại diện Việt Nam trong các tổ chức, diễn đàn KH&CN quốc tế, khu vực và của mạng lưới đại diện KH&CN Việt Nam ở nước ngoài trong việc tìm kiếm cơ hội, đối tác hợp tác nghiên cứu.

3. Tăng cường quảng bá, giới thiệu các chương trình, dự án lớn về KH&CN mà các đối tác nước ngoài, các tổ chức quốc tế và khu vực đang và sẽ triển khai; tuyên truyền, phổ biến các kết quả hợp tác nghiên cứu đã đạt được.

4. Đào tạo nhân lực KH&CN, nhân lực quản lý khoa học và quản trị công nghệ ở trình độ cao, phục vụ việc triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu.

5. Tập trung đầu tư cho một số tổ chức nghiên cứu nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu, bảo đảm kinh phí triển khai nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu, đào tạo nhân lực KH&CN để phát triển thành tổ chức nghiên cứu quốc tế mạnh; hình thành và phát triển các tập thể nghiên cứu quốc tế đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN cấp thiết cần có sự tham gia, hỗ trợ trực tiếp của các nhà khoa học nước ngoài, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài.

IV. Tăng nguồn đầu tư cho Chương trình

1. Tìm kiếm, khai thác các nguồn lực từ các chương trình hỗ trợ, hợp tác quốc tế của các quốc gia phát triển, các tổ chức quốc tế và khu vực, các tập đoàn đa quốc gia nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và đào tạo nhân lực trong lĩnh vực KH&CN.

Xây dựng dự án kêu gọi nguồn Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) của các nước có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đối tác quan trọng của Việt Nam

2. Hỗ trợ các tổ chức nghiên cứu của Việt Nam tìm kiếm đối tác, cơ hội để hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hợp tác nghiên cứu, làm chủ, cải tiến, sáng tạo công nghệ mới;

3. Tăng cường hỗ trợ các tổ chức nghiên cứu của Việt Nam khai thác các nguồn lực từ các đối tác quốc tế thông qua hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và đào tạo nhân lực KH&CN, quản lý KH&CN, quản trị công nghệ, khai thác sáng chế và chuyển giao công nghệ.

4. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm các nguồn:

- Ngân sách nhà nước dành cho phát triển KH&CN, các quỹ KH&CN.
- Nguồn vốn tài trợ, hợp tác nghiên cứu, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và đào tạo từ nước ngoài.
- Nguồn vốn của doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác. /